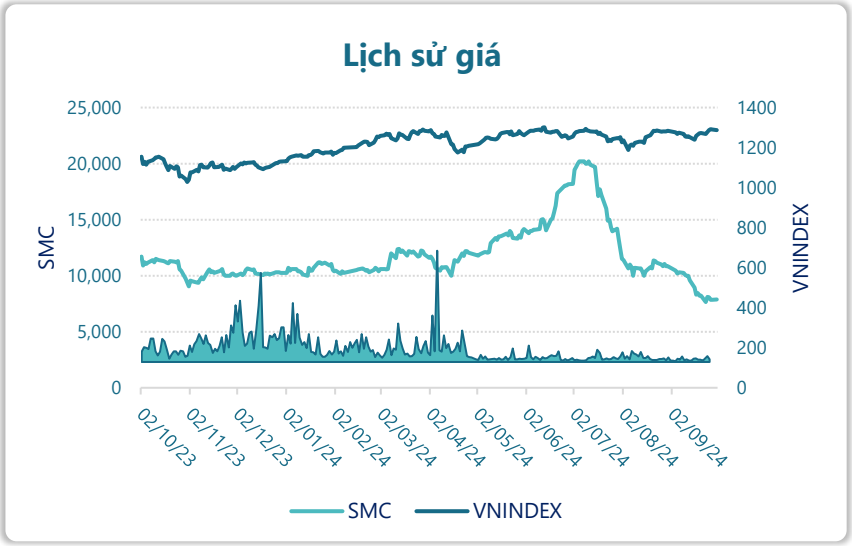
CTCP Đầu tư Thương mại SMC (HSX: SMC)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,880**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,650
SL cổ phiếu LH	73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)	971,800
% sở hữu nước ngoài	20.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	580
P/E	-1.9
EPS	-4,184

DT thuần

Q3/24

2,277

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.0| 1.6%

YoY: ▼864| -27.5%

LN sau thuế

Q3/24

-82.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.80| 8.6%

YoY: ▲ 95.6| 53.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

-0.5%

+/- YoY: ▲ 3.1%

DT thuần

9T 2024

6,747

tỷ VNĐ

YoY: ▼3,827| -36.2%

LN sau thuế

9T 2024

6.80

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 593| 101%

ROE

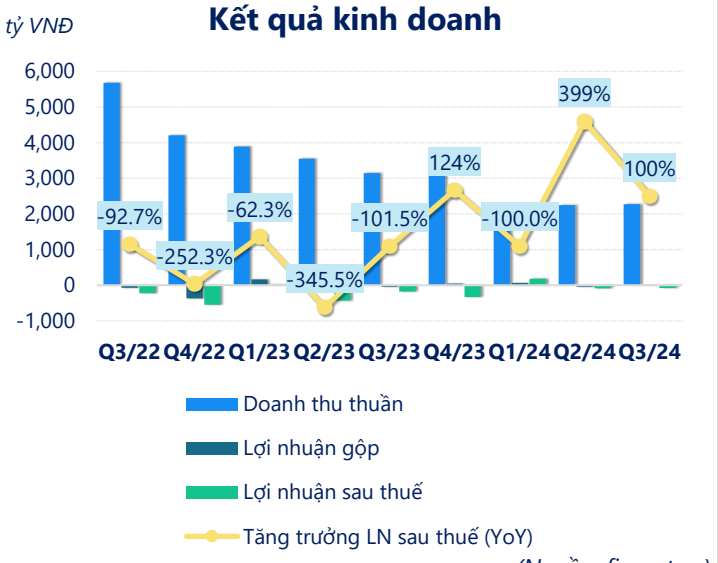
Q3/24

-31.7%

+/- YoY: ▲ 30.3%

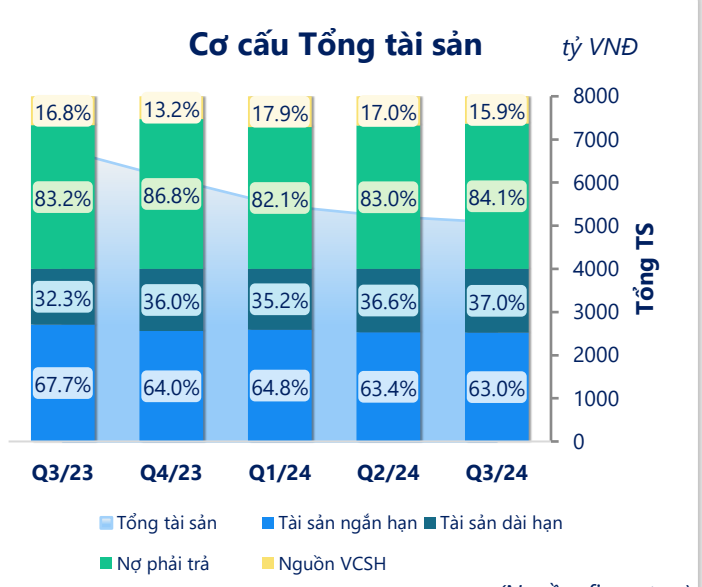
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



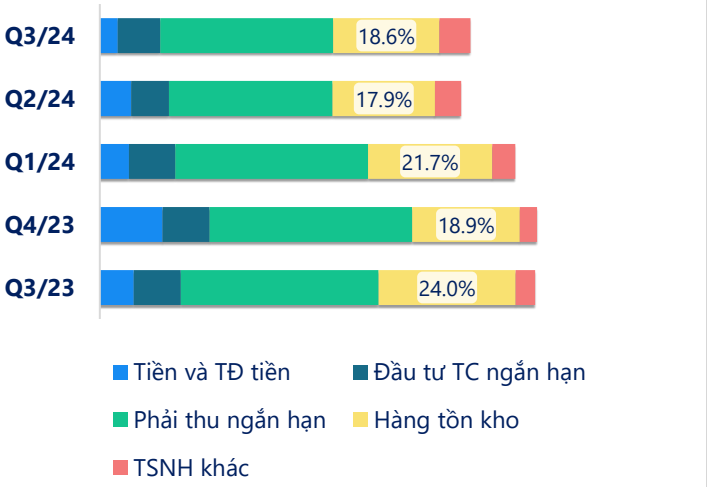
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



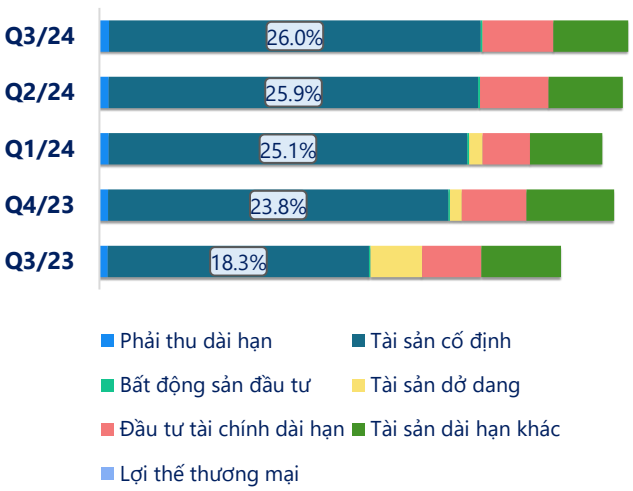
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



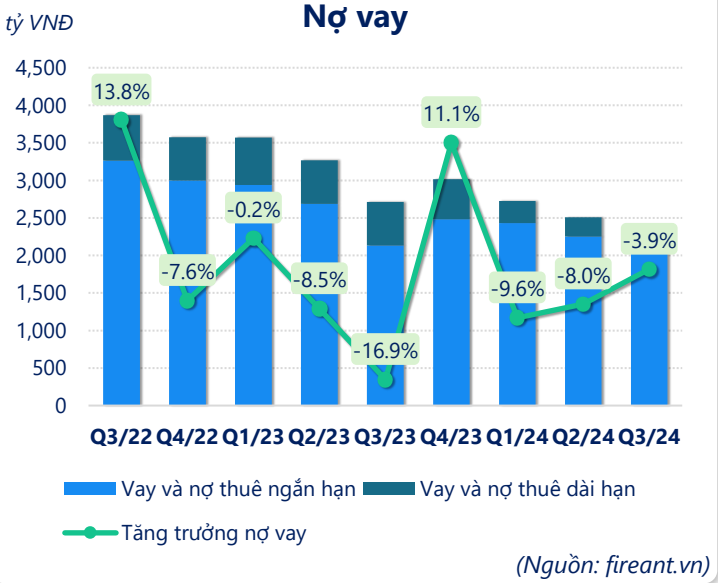
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



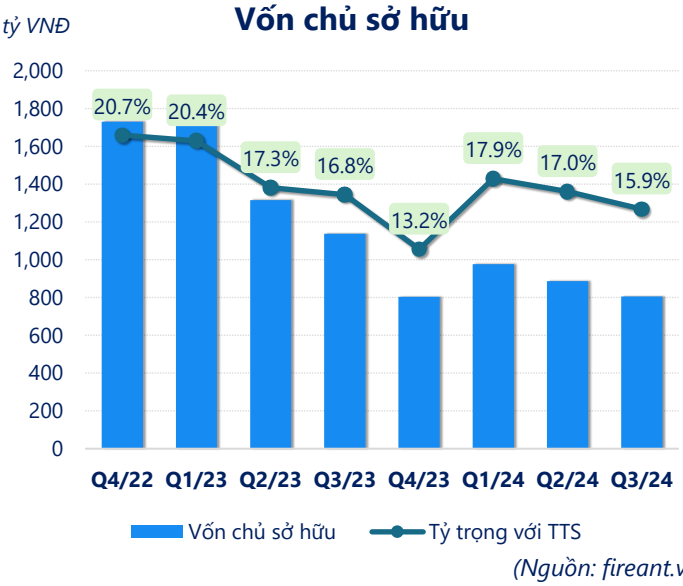
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



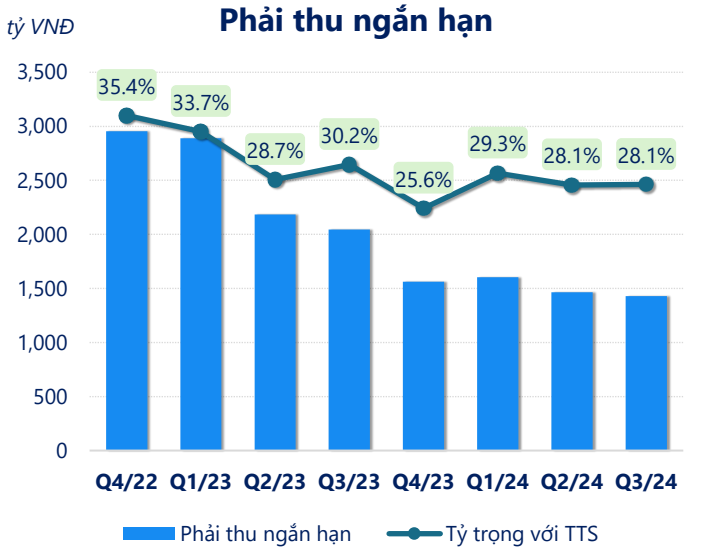
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



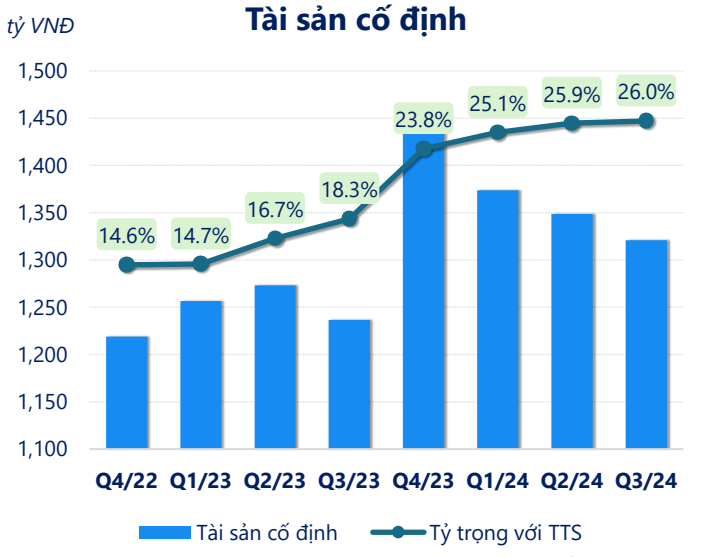
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



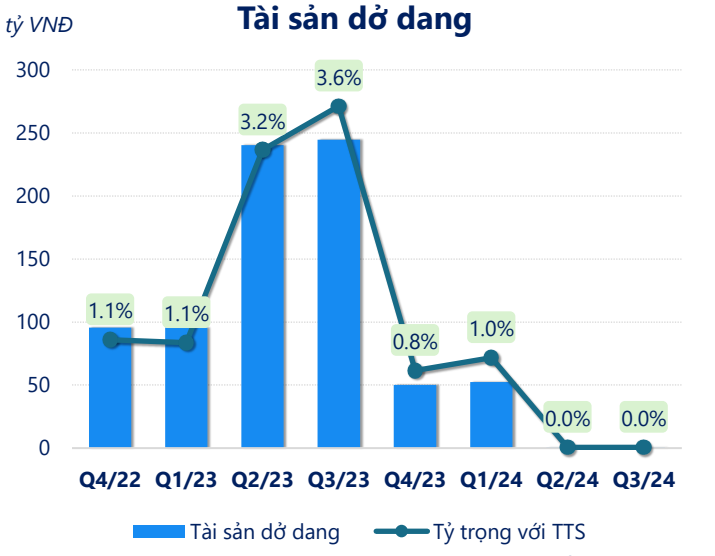
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



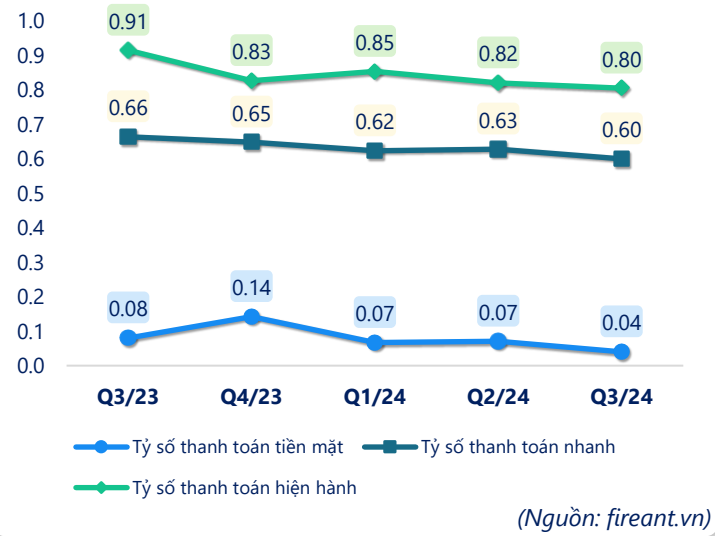
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



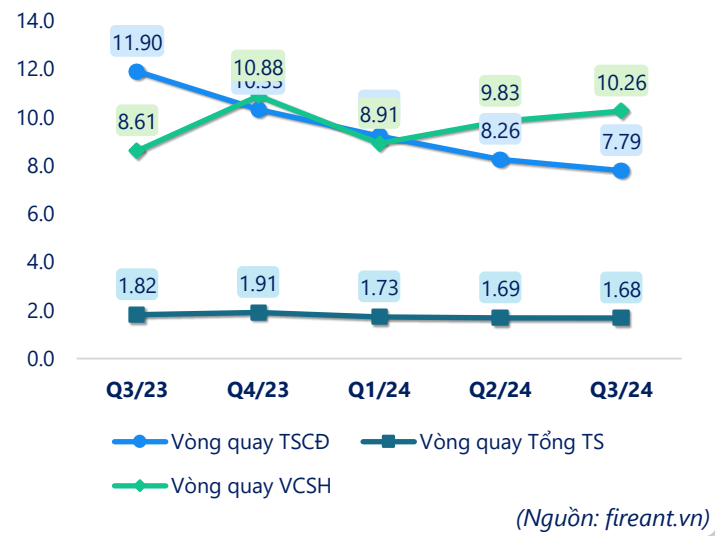
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**6,765**	**6,092**	**5,470**	**5,217**	**5,076**
Tài sản ngắn hạn	**4,578**	**3,897**	**3,544**	**3,305**	**3,197**
Tiền và tương đương tiền	402	670	277	285	159
Đầu tư tài chính ngắn hạn	506	483	390	491	499
Phải thu ngắn hạn	2,046	1,561	1,605	1,466	1,428
Hàng tồn kho	1,256	840	957	773	815
Tài sản ngắn hạn khác	368	342	315	291	297
Tài sản dài hạn	**2,186**	**2,196**	**1,926**	**1,912**	**1,878**
Phải thu dài hạn	39.9	37.1	35.1	34.4	33.9
Tài sản cố định	1,236	1,452	1,374	1,349	1,321
Bất động sản đầu tư	6.93	6.84	6.75	6.66	6.57
Tài sản dở dang	245	50.0	52.3	0.41	0.41
Đầu tư tài chính dài hạn	281	276	181	251	251
Tài sản dài hạn khác	378	375	277	271	266
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,628**	**5,289**	**4,492**	**4,330**	**4,271**
Nợ ngắn hạn	**5,007**	**4,716**	**4,155**	**4,032**	**3,974**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,134	2,483	2,430	2,251	2,155
Phải trả người bán ngắn hạn	2,542	1,925	1,452	1,483	1,455
Nợ dài hạn	621	573	337	298	297
Vay và nợ thuê dài hạn	578	531	295	256	255
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,137**	**804**	**977**	**887**	**805**
Vốn chủ sở hữu	**1,137**	**804**	**977**	**887**	**805**
Vốn điều lệ	737	737	737	737	737
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)